TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Huynh;
- Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý sơ thẩm số 538/TLST-DS ngày 13/4/2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2026/QĐXXST-DS ngày 11/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc H, sinh năm: 1997; CCCD số 068097013304; nơi cư trú: C Đ, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh N (tên thường gọi Q), sinh năm: 2000; căn cước số 096200009830; nơi cư trú: Số D A, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Minh N là bà Nguyễn Vệ T – Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Tất cả đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 20/3/2026; bản tự khai; biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày:*

Giữa ông (Lưu Ngọc H) và ông N có mối quan hệ quen biết nên ông đã cho ông N vay tiền, cụ thể:

- Ông chuyển tiền vào tài khoản của ông N tại Ngân hàng T1 3 lần (ngày 14/9/2023 chuyển 6.500.000 đồng; ngày 16/9/2023 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 20/9/2023 chuyển 20.000.000 đồng), tổng cộng là 36.500.000 đồng.

- Ngày 04/10/2023 ông cho ông N vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, ông N có viết giấy vay tiền.

Tổng cộng, ông cho ông N vay 146.500.000 đồng; đến ngày 25/11/2025 ông N đã trả cho ông được 15.880.000 đồng. Số tiền gốc ông N còn nợ là: 130.620.000 đồng.

Ông cho rằng, ông rút tiền từ thẻ tín dụng của Ngân hàng để cho ông N vay. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết, buộc ông nhựt phải trả cho ông các khoản sau:

- Chi phí tài chính thực tế (thiệt hại do sử dụng thẻ HSBC) là 7.327.826 đồng;

- Chi phí tài chính thực tế (thiệt hại do sử dụng thẻ C) là 16.485.952 đồng;

- Chi phí vay đảo nợ thẻ VIB để trả cho thẻ HSBC là 17.575.000 đồng.

- Lãi chậm trả theo mức 10%/năm là 28.079.167 đồng; chi phí tố tụng là 10.071.272 đồng.

Đơn khởi kiện ông yêu cầu ông N phải trả 224.194.385; tại buổi hoà giải, ông yêu cầu ông N phải trả: 195.616.717 đồng (không yêu cầu trả 10% hoa hồng từ doanh thu cửa hàng của ông N và tiền tổn thất tinh thần trong thời gian ông N không trả nợ).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông không yêu cầu ông N phải sao kê, giải trình kết quả doanh thu tại của hàng kinh doanh, cũng như không yêu cầu thanh toán thêm 10% hoa hồng của cửa hàng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần trong thời gian ông N không thanh toán nợ nữa.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của bị đơn là ông Đỗ Minh N tại phiên tòa:*

Ông thừa nhận có vay của ông H số tiền là 110.000.000 đồng như giấy vay tiền ghi ngày 04/10/2023 do ông H xuất trình; sau khi vay ông đã trả cho ông H được 15.880.000 đồng. Nay ông xác nhận còn nợ ông H số tiền là 94.120.000 đồng và đồng ý thanh toán khoản nợ này.

Ông xác định: Ông H có chuyển vào tài khoản của ông tại Ngân hàng T1 3 lần tiền, với tổng số tiền là 36.500.000 đồng (cụ thể: ngày 14/9/2023 chuyển 6.500.000đ; ngày 16/9/2023 chuyển 10.000.000đ; ngày 20/9/2023 chuyển 20.000.000đ). Tại bản tự khai của ông N ghi ngày 29/4/2026 thì xác định số tiền chuyển khoản này là ông H tặng cho ông, vì giữa ông và ông H có quan hệ tình cảm nên ông không đồng ý trả số tiền này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn (ông H) đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông N và Công ty TNHH N1, do ông N là người đại diện theo pháp luật phải trả cho ông: Số tiền nợ gốc 130.620.000đ (146.500.000 – 15.880.000đ) và nợ lãi là: 7.619.500.000 đồng (theo mức lãi suất 0,833%/tháng x 7 tháng x 130.620.000 đồng, tính từ

tháng 12/2025 đến 30/6/2026) = 138.239.500 đồng và các khoản chi phí do sử dụng thẻ để cho ông N vay tiền là 41.388.778 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu ông N và Công ty TNHH N1 trả là 179.628.278 đồng.

Ông rút yêu cầu, đối với ông N phải trả khoản tiền ông gọi là chi phí tố tụng là 10.071.272 đồng.

- Bị đơn (ông N): Đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 94.120.000đ theo giấy vay tiền ngày 04/10/2023 (tiền vay 110.000.000đ – 15.880.000 đồng đã trả = 94.120.000 đồng).

Đối với số tiền ông H chuyển khoản cho ông, tổng cộng 36.500.000 đồng thì ông cho rằng: Trong đó có một phần ông đưa tiền mặt cho ông H, nhờ ông H chuyển khoản; một phần là tiền ông H hỗ trợ ông khi ông gặp khó khăn, chứ không phải tiền ông vay mượn của ông H; ông không xác định được khoản tiền nào là tiền hỗ trợ và khoản tiền nào là tiền nhờ chuyển khoản. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu hợp đồng do các bên đã ký kết, theo giấy vay tiền ghi ngày 04/10/2023, do đây là hợp đồng giả cách, nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn thông qua máy BOS; đề nghị không chấp nhận đối với khoản tiền 36.500.000 đồng, vì đây không phải là tiền vay như bị đơn trình bày. Do đó, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 130.620.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là: 41.388.778 đồng .

Đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ việc ông Lưu Ngọc H và ông Đỗ Minh N xác lập hợp đồng dân sự về vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn có nơi cư trú tại phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng, theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lưu Ngọc H yêu cầu Toà án giải quyết, buộc ông Đỗ Minh N và Công ty TNHH N1 phải số tiền là 130.620.000 đồng (trong đó: 110.000.000 vay theo giấy ghi ngày 04/10/2023 + 36.500.000 đồng chuyển khoản cho bị đơn = 146.500.000 đồng, trừ đi số tiền ông N đã trả là 15.880.000 đồng; số còn lại là 130.620.000 đồng).

Bị đơn (ông N) xác định: Ông có vay của ông H 110.000.000 đồng theo giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình, ông đã trả là 15.880.000 đồng, còn 94.120.000 đồng, ông đồng ý thanh toán. Đối với số tiền 36.500.000 đồng ông H chuyển khoản cho ông thì ông không đồng ý trả, ông cho rằng: một phần ông H cho ông khi hai người còn quan hệ tình cảm; một phần ông đưa tiền mặt để nhờ ông H chuyển khoản.

Xét thấy, việc nguyên đơn đề nghị Công ty TNHH N1 (do ông N là người đại diện theo pháp luật) và ông N trả số nợ trên là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại đơn khởi kiện thì nguyên đơn chỉ khởi kiện đối với ông Đỗ Minh N, chứ không khởi kiện Công ty TNHH N1; mặt khác giấy vay tiền ngày 04/10/2023 tuy có đóng dấu đỏ tên "Công ty TNHH N1" nhưng nội dung của giấy vay tiền ghi: Bên A (bên vay) là ông Đỗ Minh N, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với nhau. Do đó, xác định ông N là đương sự trong vụ án, chứ không phải Công ty TNHH N1.

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 130.620.000 đồng thì thấy rằng: Ông N thừa nhận có vay tiền và nhận chuyển khoản từ nguyên đơn, song lại cho rằng trong số tiền nhận chuyển khoản (nhận chuyển 3 lần) 36.500.000 đồng thì có một phần ông H cho ông và một phần ông đưa tiền mặt để nhờ ông H chuyển khoản. Tuy nhiên, ông N không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên yêu cầu khởi kiện của ông H đối với khoản tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H liên quan đến số tiền 41.388.778 đồng, ông H cho rằng đây là khoản thiệt hại do quá trình sử dụng thẻ nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán. Xét thấy, Toà án thụ lý vụ án dân sự về quan hệ tranh chấp là vay tài sản, bản thân nguyên đơn là cá nhân, chứ không phải tổ chức tín dụng nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3]. Đối với việc của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị HĐXX tuyên vô hiệu hợp đồng vay ký kết ngày 04/10/2023, với lý do: Đây là hợp đồng giả cách; đồng thời đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông N thừa nhận đã ký giấy vay tiền và nhận chuyển khoản từ phía nguyên đơn như đã nhận định tại phần [2.1] nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 143, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* của ông Lưu Ngọc H đối với ông Đỗ Minh N.

Buộc ông Đỗ Minh N phải trả cho ông Lưu Ngọc H số tiền 138.239.500 (một trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng) đồng. Trong đó: nợ gốc là 130.620.000đ (một trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng) và nợ lãi là 7.619.500 đồng (theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng x 130.620.000 x 7 tháng), thời gian tính lãi từ ngày 26/11/2025 đến ngày 26/6/2026.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc ông N phải trả số tiền là 41.388.778 đồng.

3. Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Ngọc H, về việc buộc ông Đỗ Minh N phải trả 10% hoa hồng trên doanh thu từ việc ông N vay tiền của ông H và tổn thất tinh thần. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu này.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

- Buộc ông Đỗ Minh N phải chịu 6.912.00đ án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả.

- Buộc ông Lưu Ngọc H phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là 2.069.439 đồng, được trừ đi số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006366 ngày 10/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả lại ông Lưu Ngọc H số tiền 3.535.561 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

ODG300626.TL.QDBA
2272

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Phương Dung